

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS - PT
Ngày 09 tháng 12 năm 2022
V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán:

Bà Từ Thị Hải Dương

Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang –
Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 73/2022/TLPT- DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp di sản thừa kế. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2577 /2022/QĐ – PT ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1999

Địa chỉ: Số A, đường 4, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Kiên L; địa chỉ: N, tổ dân phố T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* + Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1958; có mặt

+ Bà Hoàng Thị Q1, sinh năm 1963; có mặt

+ Bà Hoàng Thị Q2, sinh năm 1966; có mặt

+ Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1969; có mặt

Các bị đơn ở cùng địa chỉ: Ngõ M đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Thế Ph (chết tháng 10 năm 2014)*

- + Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1958; vắng mặt
- + Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1983; có mặt
- + Anh Hoàng Thế Th, sinh năm 1989; có mặt
- + Chị Hoàng Thị Diễm Q, sinh năm 1993; vắng mặt
- + Anh Hoàng Thế T, sinh năm 1996; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ngõ H đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Hồng Q (chết năm 2002)*

- + Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A đường 4 phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Lê Kiên L; địa chỉ: N, tổ dân phố T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- + Bà Đinh Thị H, sinh năm 1961;
- + Anh Hoàng Hải Hồng Q, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Số 1 xóm 2, thôn Th, xã Ch, huyện T, tỉnh Bình Thuận; bà H và anh Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ngõ M đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1999 và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A đường 4 phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 36/2022/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cụ ông Hoàng L (chết năm 1992), cụ bà Trần Thị D (chết tháng 02 năm 2014); hai cụ là bố mẹ của ông Hoàng Thế Ph (ông Ph chết tháng 10 năm 2014 có vợ là bà Phạm Thị Tr và 04 con, anh Hoàng Thế Th, chị Hoàng Thị Nh, anh Hoàng Thế T và chị Hoàng Thị Diễm Q), bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Ph (chết năm 2018, chưa có chồng, con), ông Hoàng Hồng Q (tức Hoàng Q chết năm 2002 có vợ 1 là bà Đinh Thị H và 01 con Hoàng Hải Hồng Q, vợ 2 Nguyễn

Thị Hồng H và 01 con Hoàng Nguyễn Hồng Ph), bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2, bà Hoàng Thị D và bà Hoàng Thị L. Các đồng thừa kế của hai cụ thừa nhận hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc; di sản thừa kế hai cụ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 58 phường Đ, thành phố Đ, có diện tích 543,1m² đất đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 20/11/2005 mang tên cụ Trần Thị D; năm 2013 được cấp đổi thành GCNQSDĐ số BP 161746 ngày 01/8/2013 với diện tích 469,1m², tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 phường Đ, thành phố Đ; 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 nhà bếp. Các di sản thừa kế này do bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2 và bà Hoàng Thị D đang sử dụng. Để đảm bảo quyền lợi của mình nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế và xin nhận bằng hiện vật để nơi ở, thờ tự ông bà và bố.

Các bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2 và bà Hoàng Thị D (viết tắt là bị đơn) thông nhất với nguyên đơn về tên, năm chết, số con và di sản thừa kế của cụ L, cụ D để lại. Các bị đơn không nhất trí việc khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ các bị đơn không chấp nhận nguyên đơn là con trai ông Hoàng Hồng Q, vì giấy tờ tùy thân của nguyên đơn có nhiều mâu thuẫn về chữ lót của ông Hoàng Hồng Q; ông Q chỉ có vợ tên là bà Định Thị H và 01 con Hoàng Hải Hồng Q.

Bà Phạm Thị Tr, bà Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị Nh, anh Hoàng Thế Th, chị Hoàng Thị Diên Q, anh Hoàng Thế T nhất trí với trình bày của các nguyên đơn; những người này đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông H bởi lẽ, năm 1998 bà và ông Q về tại nhà bố mẹ ông Q ở hơn một tuần để ra mắt gia đình, sau đó vào Miền Nam tổ chức cưới vào năm 1999 có mời anh, chị em vào cưới nhưng không ai vào, sau khi sinh cháu Ph được 06 tháng bà có đưa cháu Ph về nhà mẹ chồng (cụ Dàn) ở khoảng 30 ngày; năm 2002 ông Quỳnh chết. Bà và ông Quỳnh có giấy đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh cho Phong; gia phả họ Hoàng có tên cháu Hoàng Nguyễn Hồng Ph. Do đó cháu Ph là con chung hợp pháp của bà và ông Q. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bà hoàn toàn nhất trí như ý của nguyên đơn và xin nhận di sản thừa kế để là nhà thờ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 65 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 623, 649, 650, 651, 652, 688 của Bộ luật Dân sự; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph, về việc “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế”. Giao cho bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2, bà Hoàng Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ 58, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 469.1m², trong đó đất ở 110m², đất trồng cây hàng năm khác 359.1m², (Diện tích thực tế sử dụng 616.4m², trong đó 110m² đất ở, đất trồng cây hàng năm khác 506.4m), địa chỉ thửa đất tại phường Đ, thành phố Đ đã được UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, cấp giấy chứng nhận quyền sử đất vào ngày 01/8/2013 mang tên cụ Trần Thị D và 01 nhà cấp 4, tường xây bao quanh, mái lợp ngói, diện tích 39.65m²; 01 nhà bếp tường xây bao quanh, mái lợp ngói diện tích 9.6m². Diện tích đất có kích thước các cạnh như sau: Phía Nam giáp đường đi ngõ H đường H kích thước 18.99m; phía Bắc giáp đường đi ngõ H đường H và thửa đất số 203 kích thước 6.0 mét + 6.08 mét + 11.09 mét; phía Đông giáp nhà bà L và thửa đất số 203 kích thước 16.53 mét + 5.07 mét + 11.85 mét; phía Tây giáp nhà ông Th kích thước 12.93 mét + 3.5 mét + 3.5 mét + 10.61 mét.

Buộc bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2 và bà Hoàng Thị D, phải trả cho bà Phạm Thị Tr, chị Hoàng Thị Nh, anh Hoàng Thế Th, chị Hoàng Thị Diễm Q và anh Hoàng Thế T mỗi người 8.198.548 đồng; trả cho bà Đinh Thị H 4.492.355 đồng; trả cho anh Hoàng Hải Hồng Q, anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph mỗi người 16.004.016 đồng; trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 49.191.292 đồng.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph làm đơn kháng cáo yêu cầu định giá lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 phường Đ và phân chia lại di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật; anh Ph xin nhận kỷ phần thừa kế của mình là quyền sử dụng đất để làm nơi ở, thờ cúng bố. Ngày 13 tháng 9 năm 2022 bà Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm định giá lại di sản thừa kế, chia di sản thừa kế và xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; bà Nguyễn Thị Hồng H giữ nguyên đơn kháng cáo; nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi liên quan vụ án có mặt tại phiên tòa thoả thuận giá trị toàn bộ thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 phường Đ là 604.000.000 đồng và đề nghị Toà án chia di sản thừa kế bằng hiện vật và xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng quyền sử dụng đất. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự về giá trị thửa đất là 604.000.000 đồng và chia di sản thừa kế bằng giá trị theo giải quyết của án sơ thẩm (chỉ thay đổi giá trị), buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định; những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 31 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS – ST. Ngày 09 và 13 tháng 9 năm 2022 anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph và bà Nguyễn Thị Hồng H làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bà H làm trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và bà H để xét xử phúc thẩm.

[2] Trong vụ án nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không chia di sản thừa kế cho những người được hưởng di sản thừa kế theo kỹ phân cụ thể mà giao chung toàn bộ di sản thừa kế cho 04 bị đơn và buộc 04 bị đơn cùng trả (không nêu cụ thể mỗi người phải trả bao nhiêu) các kỹ phân thừa kế cho những người được hưởng di sản thừa kế khác là không đúng quy định. Mặt khác việc tuyên án như trên (tuyên chung cho 04 bị đơn được hưởng chung) làm ảnh hưởng đến việc thi hành án dân sự, nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Các đồng thừa kế điều thừa nhận cụ ông Hoàng L, chết năm 1992 và cụ bà Trần Thị D, chết tháng 2 năm 2014 là bố mẹ của ông Hoàng Thế Ph (ông Ph chết tháng 10 năm 2014 có vợ là bà Phạm Thị Tr và 04 con, anh Hoàng Thế Th, chị Hoàng Thị Nh, anh Hoàng Thế T và chị Hoàng Thị Diễm Q, bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Ph (bà Phương chết năm 2018, chưa có chồng, con), ông Hoàng Hồng Q (tức Hoàng Q chết năm 2002 có vợ thứ nhất là bà Đinh Thị H và

01 con Hoàng Hải Hồng Q, vợ thứ 2 là bà Nguyễn Thị Hồng H và 01 con Hoàng Nguyễn Hồng Ph), bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2, bà Hoàng Thị D và bà Hoàng Thị L. Các đồng thừa kế của hai cụ thừa nhận hai cụ không có con riêng, con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc; di sản thừa kế hai cụ để lại là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 58 phường Đ, thành phố Đ, có diện tích 543,1m² đất đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) ngày 20/11/2005 mang tên cụ Trần Thị D; năm 2013 cụ D được cấp đổi thành GCNQSDĐ số BP 161746 ngày 01/8/2013 với diện tích 469,1m², tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 phường Đ, thành phố Đ; 01 ngôi nhà cấp 4. Các di sản thừa kế này do bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2 và bà Hoàng Thị D đang quản lý sử dụng.

[3] Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất: Cụ Hoàng L chết năm 1992 không để lại di chúc, theo quy định tại Điều 1 Luật đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý; tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định “ Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác... Tài sản có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp khác”. Như vậy, theo Luật đất đai năm 1987 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì đất đai không phải di sản thừa kế. Tại điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về pháp lệnh thừa kế có nêu “ Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản của công dân chết”.

[4] Mặt khác, các đồng thừa kế của cụ L thừa nhận năm 2005 diện tích đất của cụ L, cụ D được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ lần đầu và đến năm 2013 cụ D được cấp đổi lại GCNQSDĐ các đồng thừa kế của cụ L đều thống nhất giao toàn bộ diện tích cho cụ D quản lý, sử dụng không có người nào khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất của cụ L nên toàn bộ diện tích đất được cấp giấy GCNQSDĐ thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Trần Thị D.

[5] Đối với 01 nhà cấp 4 và 01 nhà bếp các đồng thừa kế thừa nhận hai nhà làm từ trước năm 1960 nay bị hư hỏng nặng không còn giá trị sử dụng. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ L đang còn nhưng không có di sản thừa kế để chia.

[6] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị D thấy: Cụ D chết tháng 2 năm 2014, di sản thừa kế của cụ D là quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 25) phường Đ, thành phố Đ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật dân sự năm

2015 thì những người sau được hưởng di sản thừa kế của cụ Trần Thị D: Ông Hoàng Thế Ph, bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Hồng Q (tức Hoàng Q), bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị Q2, bà Hoàng Thị D và bà Hoàng Thị L. Ông Ph chết tháng 10 năm 2014 nên bà Phạm Thị Tr là vợ cùng 04 con là anh Hoàng Thế Th, chị Hoàng Thị Nh, anh Hoàng Thế T và chị Hoàng Thị Diễm Q được hưởng kỷ phần thừa kế nếu ông Ph còn sống được hưởng; ông Q chết năm 2002 nên hai con của ông là Hoàng Hải Hồng Q và Hoàng Nguyễn Hồng Ph được hưởng thừa kế thế vị (bà Nguyễn Thị Hồng H và bà Đinh Thị H vợ ông Ph không được hưởng di sản thừa kế). Bà Hoàng Thị Ph chết năm 2018 không có chồng, con nên không chia thừa kế.

[7] Theo kết quả thẩm định, định giá ngày 04/11/2022, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 25) phường Đồng Ph, thành phố Đ có diện tích 598,1m² đất. Toạ độ xác định tại thửa đất này có vị trí đang sử dụng lệch một số diện tích so với toạ độ trên bản đồ địa chính, nhưng phía Bắc và phía Nam thửa đất đã có tường rào sát đường giao thông bằng bê tông ổn định; phía Tây giáp thửa đất số 66 đã có tường rào ngăn cách không có tranh và phía Đông giáp đường và nhà của thửa đất số 212, tờ bản đồ số 52 phường Đồng Phú và đường giao thông sử dụng ổn định không có tranh chấp. Tại Công văn số 3506/UBND ngày 24/8/2022 của UBND phường Đ xác định diện tích 147,3m² đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 52 phường Đ tăng lên so với GCNQSDĐ đã được điều chỉnh tăng theo đúng quy hoạch, không vi phạm (bút lục số 201).

[8] Tại giai đoạn phúc thẩm chị Hoàng Thị Nh nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Hoàng Thị Q2. Anh Hoàng Hải Hồng Q nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Hoàng Thị D. Việc các đồng thừa kế nhường kỷ phần thừa kế của mình cho người khác là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[9] Kết quả định giá lại ngày 04/11/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn và bà H thì thửa đất số 247, tờ bản đồ số 58 (nay là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 25) phường Đ có trị giá 351.786.000 đồng; tường rào mỗi mét dài có giá 384.000 đồng; hai trụ cổng có giá 546.000 đồng và hai cánh cửa sắt giá 2.033.000 đồng. Tại biên bản thoả thuận ngày 17/11/2022 và tại phiên toà phúc thẩm các đương sự thoả thuận toàn bộ thửa đất (toàn bộ đất ở và đất vườn) có trị giá 604.000.000 đồng, việc thoả thuận giá của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giá thoả thuận này để giải quyết. Theo đó mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 86.286.000 đồng (tám mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

[10] Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn, các bị đơn và người có quyền lợi liên quan vụ án đều có nguyện vọng được hưởng di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất (04 bị đơn có nguyện vọng được chia diện tích đất liền kề nhau), vì vậy di sản thừa kế của cụ D được chia làm 07 kỷ phần như sau: Nguyên đơn anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph được chia 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,70m² đất trồng cây hàng năm khác), có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông ngõ H đường H từ điểm 1 đến điểm 2 dài 5,65 mét; phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị Q1 từ điểm 2 đến điểm 13 dài 15,05 mét; phía Nam giáp thửa đất chia cho anh Hoàng Thế Th từ điểm 13 đến điểm 14 dài 5,66 mét; phía Tây giáp thửa đất số 66 từ điểm 1 đến điểm 14 dài 15,23 mét. Bà Hoàng Thị Q1 được chia 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,70m² đất trồng cây hàng năm khác), tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông ngõ H đường H từ điểm 2 đến điểm 3 dài 5,72 mét; phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị D từ điểm 3 đến điểm 11 dài 14,86 mét; phía Nam giáp thửa đất chia cho bà Hoàng Thị Th từ điểm 11 đến điểm 13 dài 5,73 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho anh Ph từ điểm 2 đến điểm 13 dài 15,05 mét. Diện tích đất bà Hoàng Thị D được chia 85,5m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông ngõ H đường H từ điểm 3 đến điểm 4 dài 5,79 mét; phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị L từ điểm 4 đến điểm 9 dài 14,68 mét; phía Nam giáp thửa đất chia cho bà Hoàng Thị Q2 từ điểm 9 đến điểm 11 dài 5,80 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà Q1 từ điểm 3 đến điểm 11 dài 14,86 mét. Diện tích đất bà Hoàng Thị L được chia 85,5m² đất (trong đó có 15,80m² đất ở và 69,70m² đất trồng cây hàng năm khác), tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 203 từ điểm 4 đến điểm 5 dài 6,82 mét; phía Đông giáp đường giao thông từ điểm 5 đến điểm 6 dài 11,64 mét; phía Nam giáp thửa đất số 212 của bà Hoàng Thị L từ điểm 6 đến điểm 9 dài 13,86 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà D từ điểm 4 đến điểm 9 dài 14,68 mét. Diện tích đất anh Hoàng Thế Th được chia 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất chia cho anh Ph từ điểm 12 đến điểm 14 dài 5,94 mét; phía Đông giáp diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị Thanh từ điểm 12 đến điểm 16 dài 14,24 mét; phía Nam giáp đường giao thông ngõ M đường H từ điểm 15 đến điểm 16 dài 5,97 mét; phía Tây giáp thửa đất số 66 từ điểm 14 đến điểm 15 dài 14,62 mét. Diện tích đất bà Hoàng Thị Th được chia 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất chia cho bà Hoàng Thị Q1 từ điểm 10 đến điểm 12 dài 6,10 mét; phía Đông giáp diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị Q2 từ điểm 10

đến điểm 17 dài 13,85 mét; phía Nam giáp giáp đường giao thông ngõ M đường H từ điểm 16 đến điểm 17 dài 6,14 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho anh Th từ điểm 12 đến điểm 16 dài 14,24 mét. Diện tích đất bà Hoàng Thị Q2 được chia 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất chia cho bà D và L từ điểm 8 đến điểm 10 dài 6,07 mét; phía Đông giáp diện tích thửa đất số 212 của bà L từ điểm 8 đến điểm 18 dài 13,41 mét; phía Nam giáp giáp đường giao thông ngõ M đường H từ điểm 17 đến điểm 18 dài 6,52 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà Th từ điểm 10 đến điểm 17 dài 13,85 mét.

[11] Do anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph được nhận toàn bộ 01 kỷ phần thừa kế là quyền quản lý, sử dụng 85,4m² đất nên anh Ph có nghĩa vụ trả 43.143.000 đồng giá trị $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế cho bà Hoàng Thị D (bà D được anh Q nhường kỷ phần thừa kế). Anh Hoàng Thế Th phải giao lại cho bà Hoàng Thị Q2 (bà Q2 được chị Nh nhường quyền thừa kế của mình), bà Phạm Thị Tr, chị Hoàng Thị Diễm Q và anh Hoàng Thế T mỗi người 17.257.000 đồng.

[12] Đối với tài sản trên đất gồm 50,9 mét hàng rào, hai trụ cổng và hai cánh cửa sắt do bà Th, bà Q2, bà D và bà Q1 xây dựng, do đó cần buộc nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan được chia di sản thừa kế liên quan đến tài sản do 04 bị đơn xây dựng phải trả lại chi phí này cho các bị đơn, cụ thể nguyên đơn được giao diện tích đất có 5,65 mét hàng rào nên phải trả lại cho các bị đơn 2.170.000 đồng; anh Hoàng Thế Th được giao diện tích đất có hai trụ cổng, hai cánh cửa sắt và 3,17 mét hàng rào nên phải trả cho các bị đơn 3.796.000 đồng; bà Hoàng Thị L được giao diện tích đất có 6,82 mét hàng rào nên phải trả cho 04 bị đơn 2.619.000 đồng. Theo đó nguyên đơn phải trả cho bà Th 2.146.000 đồng và trả cho bà D 24.000 đồng; anh Hoàng Thế Th trả cho bà Hoàng Thị Q2 2.146.000 đồng và trả cho bà Hoàng Thị Q1 1.650.000 đồng; bà Hoàng Thị L phải trả chi bà Hoàng Thị D 2.122.000 đồng và trả cho bà Q1 496.000 đồng.

[13] Về chi phí tố tụng: Tại cấp sơ thẩm chi phí hết 3.000.000 đồng; tại cấp phúc thẩm chi phí hết 4.900.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xin chịu toàn bộ cho phí tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự tự nguyện này (nguyên đơn đã nộp đủ).

[14] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu 2.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Hoàng Thị Th và bà Phạm Thị Tr là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Các bà Hoàng Thị Q1, Hoàng Thị Q2, Hoàng Thị D và

Hoàng Thị L mỗi người phải chịu 4.314.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Hoàng Thị D còn phải chịu 2.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (kỷ phần thừa kế anh Q nhường cho bà D); bà Hoàng Thị Q2 phải chịu 863.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (kỷ phần thừa kế bà Nh nhường cho bà Q); các anh Hoàng Thế Th, Hoàng Thế tài và chị Hoàng Thị Diễm Q mỗi người phải chịu 863.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng H. Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph đối với Bản án số 36/2022/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để sửa bản án sơ thẩm.

2. Anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph được quản lý, sử dụng 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,70m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất anh Ph được chia như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông ngõ H đường H từ điểm 1 đến điểm 2 dài 5,65 mét; phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị Q1 từ điểm 2 đến điểm 13 dài 15,05 mét; phía Nam giáp thửa đất chia cho anh Hoàng Thế Th từ điểm 13 đến điểm 14 dài 5,66 mét; phía Tây giáp thửa đất số 66 từ điểm 1 đến điểm 14 dài 15,23 mét. Anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ giao cho bà Hoàng Thị D 43.167.000 đồng (trong đó 43.143.000 đồng kỷ phần thừa kế anh Q nhường cho bà D và 24.000 đồng tiền đền bù hàng rào) và trả cho bà Hoàng Thị Th 2.146.000 đồng tiền đền bù hàng rào.

3. Bà Hoàng Thị Q1 được quản lý, sử dụng 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,70m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất bà Q1 được chia như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông ngõ H đường H từ điểm 2 đến điểm 3 dài 5,72 mét; phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị D từ điểm 3 đến điểm 11 dài 14,86 mét; phía Nam giáp thửa đất chia cho bà Hoàng Thị Th từ điểm 11 đến điểm 13 dài 5,73 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho anh Ph từ điểm 2 đến điểm 13 dài 15,05 mét và được nhận tại anh Hoàng Thế Th 1.650.000 đồng, bà Hoàng Thị L 496.000 đồng tiền đền bù hàng rào.

4. Bà Hoàng Thị D được quản lý, sử dụng 85,5m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất bà D được chia như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông ngõ H đường H từ điểm 3 đến điểm 4 dài 5,79 mét; phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị L từ điểm 4 đến điểm 9 dài 14,68 mét; phía Nam giáp thửa đất chia cho bà Hoàng Thị Q2 từ điểm 9 đến điểm 11 dài 5,80 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà Q1 từ điểm 3 đến điểm 11 dài 14,86 mét và được nhận từ anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph 43.167.000 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), nhận tại bà Hoàng Thị L 2.122.000 đồng tiền đền bù hàng rào.

5. Bà Hoàng Thị L được quản lý, sử dụng 85,5m² đất (trong đó có 15,80m² đất ở và 69,70m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất bà L được chia như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 203 từ điểm 4 đến điểm 5 dài 6,82 mét; phía Đông giáp đường giao thông từ điểm 5 đến điểm 6 dài 11,64 mét; phía Nam giáp thửa đất số 212 của bà Hoàng Thị L từ điểm 6 đến điểm 9 dài 13,86 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà D từ điểm 4 đến điểm 9 dài 14,68 mét. Nhưng bà L phải trả cho bà Hoàng Thị Q1 496.000 đồng và bà Hoàng Thị D 2.122.000 đồng tiền đền bù hàng rào.

6. Anh Hoàng Thế Th được quản lý, sử dụng 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất anh Th như sau: Phía Bắc giáp thửa đất chia cho anh Ph từ điểm 12 đến điểm 14 dài 5,94 mét; phía Đông giáp diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị Th từ điểm 12 đến điểm 16 dài 14,24 mét; phía Nam giáp đường giao thông ngõ M đường H từ điểm 15 đến điểm 16 dài 5,97 mét; phía Tây giáp thửa đất số 66 từ điểm 14 đến điểm 15 dài 14,62 mét. Nhưng anh Th có nghĩa vụ giao cho bà Phạm Thị Tr, anh Hoàng Thế T và chị Hoàng Thị Diễm Q mỗi người 17.257.000 đồng; trả cho bà Hoàng Thị Q2 19.403.000 đồng (bà Q2 nhận kỷ phần của chị Nh 17.257.000 đồng và 2.146.000 đồng tiền đền bù hàng rào)

7. Bà Hoàng Thị Th được quản lý, sử dụng 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất bà Th được chia như sau: Phía Bắc giáp thửa đất chia cho bà Hoàng Thị Q1 từ điểm 10 đến điểm 12 dài 6,10 mét; phía Đông giáp diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị Q2 từ điểm 10 đến điểm 17 dài 13,85 mét; phía Nam giáp đường giao thông ngõ M đường H từ điểm 16 đến điểm 17 dài 6,14 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho anh Th từ điểm 12 đến điểm 16 dài 14,24 mét và được nhận 2.146.000 đồng tiền đền bù hàng rào từ anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph.

8. Bà Hoàng Thị Q2 được quản lý, sử dụng 85,4m² đất (trong đó có 15,70m² đất ở và 69,80m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất bà Q2

được chia như sau: Phía Bắc giáp thửa đất chia cho bà D và L từ điểm 8 đến điểm 10 dài 6,07 mét; phía Đông giáp diện tích thửa đất số 212 của bà L từ điểm 8 đến điểm 18 dài 13,41 mét; phía Nam giáp đường giao thông ngõ M đường H từ điểm 17 đến điểm 18 dài 6,52 mét; phía Tây giáp thửa đất chia cho bà Th từ điểm 10 đến điểm 17 dài 13,85 mét và được nhận tại anh Th 19.403.000 đồng (bà Q2 nhận kỷ phần của chị Nh 17.257.000 đồng và 2.146.000 đồng tiền đền bù hàng rào).

(Có sơ đồ thửa đất chia cho các đương sự kèm theo bản án)

9. Buộc anh Hoàng Thế Th có nghĩa vụ giao cho bà Phạm Thị Tr, anh Hoàng Thế T và chị Hoàng Thị Diễm Q mỗi người 17.257.000 đồng (mười bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng); bà Hoàng Thị Q2 19.403.000 đồng (bà Q2 nhận kỷ phần của chị Nh 17.257.000 đồng và 2.146.000 đồng tiền đền bù hàng rào).

10. Bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Q2, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị Q1, anh Hoàng Thế Th và anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

11. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph về việc chịu 7.900.000 đồng chi phí tố tụng (anh Ph đã nộp đủ).

12. Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0001249 ngày 29/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (bà H đã nộp đủ án phí). Anh Hoàng Nguyễn Hồng Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu 2.157.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại hai Biên lai số 0001248 ngày 29/9/2022 và số 0006703 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (anh Ph còn phải nộp 1.557.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm). Bà Phạm Thị Tr và bà Hoàng Thị Th được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị Q1 và bà Hoàng Thị L mỗi người phải chịu 4.314.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị Q2 phải chịu 5.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị D phải chịu 6.471.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hoàng Thế Th, anh Hoàng Thế T và chị Hoàng Thị Diễm Q mỗi người phải chịu 863.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/12/2022.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đồng Hới;
- CCTHADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- .

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

